

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22-9-2020

V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đô;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Tần;
2. Bà Phạm Thị Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Triều - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2020/TLST-HNGĐ ngày 28/8/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15/9/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Thới Công S, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi;

2. *Bị đơn:* Chị Phan Thị Phương Tr, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi;

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 27/7/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Thới Công S trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Phan Thị Phương Tr (sau đây viết tắt là chị Tr) tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tây An, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định vào ngày 28/3/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn do chị Tr không tôn trọng anh, gia đình anh; vợ chồng thường xuyên có những bất đồng quan điểm, có lời nói xúc phạm nhau. Do tính chất công việc nên trước đây anh thường xuyên ăn uống cùng người khác dẫn đến thiếu nợ nhiều người nhưng anh không có ngoại tình như chị Tr trình bày.

Tháng 8/2019, anh có nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn để yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng rút đơn để vợ chồng đoàn tụ chung sống, tuy nhiên sau đó thì chị Tr không thay đổi và vợ chồng cũng không thể hòa hợp; cho đến nay, vợ chồng không còn chung sống, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên anh yêu cầu được ly hôn chị Tr.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Thới Thị Phương G, sinh ngày 28/10/2008 và cháu Thới Phan Giang A, sinh ngày 25/8/2012, hiện nay các con đang sống với chị Tr. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu G, giao cháu A cho chị Tr nuôi dưỡng; anh không cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị Tr được nuôi cả hai con thì anh sẽ cấp dưỡng nuôi con cho cháu Amỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh là quân nhân chuyên nghiệp, công tác tại Ban Chỉ huy quân sự huyện TB, tỉnh Quảng Ngãi, thu nhập trung bình khoảng 10.000.000 đồng/tháng, thời gian làm việc trong giờ hành chính và trực chiến theo quy định, có chỗ ở cùng cha mẹ ruột anh tại thôn An Điền 2, xã Bình Chương, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi nên anh có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai ngày 31/8/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Phan Thị Phương Tr trình bày:*

Chị xác nhận nội dung trình bày của anh Thới Công S (sau đây viết tắt là anh S) về việc đăng ký kết hôn và con chung của vợ chồng là đúng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 4/2019 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh S thường xuyên đi chơi, không chăm lo cho gia đình, vay mượn tiền nhiều người và có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác.

Chị là người luôn chăm lo cho chồng con, kể cả gia đình chồng nên được mọi người trong gia đình anh S tôn trọng, quý mến chứ không phải thiếu trách nhiệm, không tôn trọng gia đình anh S như anh S đã trình bày.

Tháng 8/2019, anh S có nộp đơn đến Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn để yêu cầu giải quyết ly hôn và sau đó rút đơn để vợ chồng chung sống. Sau thời điểm này thì anh S vẫn không thay đổi và tiếp tục có quan hệ ngoại tình nên vợ chồng thường có những lời nói xúc phạm nhau. Vợ chồng không còn chung sống, không quan tâm, chăm sóc cho nhau khoảng 02 tháng nay.

Mặc dù có mâu thuẫn như chị trình bày nhưng chị không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh S vì mong muốn vợ chồng đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì chị yêu cầu được nuôi con chung là cháu Thới Thị Phương G và Thới Phan Giang A; yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Chị là công nhân, làm việc tại Khu Công nghiệp VSIP Quảng Ngãi, thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/tháng, thời gian làm việc trong giờ hành chính, có nhà ở tại thôn An Điền 2, xã Bình Chương, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi nên chị có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng về xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên

tòa tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục phiên tòa. Các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh S đối với chị Tr; về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị giao 02 con chung là các cháu Thới Thị Phương G và cháu Thới Phan Giang A cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi; về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét; về án phí: Anh S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyền số 01/2005 ngày 28/3/2008 của Ủy ban nhân dân xã Tây An, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, kết quả xác minh và trình bày của các đương sự, có đủ cơ sở xác định anh S và chị Tr xác lập quan hệ vợ chồng với nhau tuân thủ đúng quy định về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn tại các Điều 9, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2] Anh S và chị Tr tuy trình bày khác nhau về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn nhưng đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng anh chị có xảy ra nhiều mâu thuẫn do không tin tưởng, không tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên có những lời nói xúc phạm nhau; năm 2019 anh S có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, sau đó rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ chung sống nhưng vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, cho đến nay vợ chồng không còn chung sống, không quan tâm chăm sóc cho nhau.

[3] Theo anh S, chị Tr trình bày thì sau khi xảy ra mâu thuẫn thì vợ chồng đã nhiều lần tự hòa giải và hai bên gia đình cũng đã động viên, hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn.

[4] Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án tiến hành làm việc, hòa giải để vợ chồng anh S, chị Tr đoàn tụ nhưng không thành.

[5] Từ những vấn đề tại các mục [2], [3] và [4] nêu trên, có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng anh S, chị Tr đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh S.

[6] Anh S và chị Tr có 02 con chung là cháu Thới Thị Phương G, sinh ngày 28/10/2008 và cháu Thới Phan Giang A, sinh ngày 25/8/2012.

Các đương sự đều có yêu cầu được nuôi con và có điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên các cháu G, A là con gái, đang sinh sống ổn định cùng với chị Tr và vẫn còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn; trong khi đó anh S là quân nhân chuyên nghiệp thường xuyên phải làm việc, sinh hoạt tại đơn vị quân đội trên địa bàn huyện khác và phải chăm sóc cha mẹ đẻ anh S đang già yếu nên điều kiện để trực tiếp nuôi con của anh S hạn chế hơn nhiều so với chị Tr. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các cháu G, A và căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao các cháu G, A cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình có quy định cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; vì vậy, cần buộc anh S cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Giang, cháu Anh mỗi cháu mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tính từ tháng 9/2020 cho đến khi các cháu G, A đủ 18 tuổi là phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của anh S và nhu cầu thiết yếu của các cháu G, A.

[7] Anh S và chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), theo các Điều 147, 150 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 147, 150, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Anh Thới Công S được ly hôn chị Phan Thị Phương Tr.

2. Giao cháu Thới Thị Phương G, sinh ngày 28/10/2008 và cháu Thới Phan Giang A, sinh ngày 25/8/2012 cho chị Phan Thị Phương Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Anh Thới Công S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Buộc anh Thới Công S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Thới Thị Phương G và cháu Thới Phan Giang A mỗi cháu mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 9/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Anh Thới Công S phải chịu 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0000862 ngày 28/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi thì anh Thới Công S còn phải tiếp tục nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

6. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- CCTHADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Tây An, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đô